

Số: 28/2026/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định phương thức khai thác**  
**công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa, bổ sung bởi Nghị định số 112/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định phương thức*

*khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Đồng Nai.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phương thức khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 64/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là UBND thành phố Đồng Nai) ban hành Quy định phương thức khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 3. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với các trường hợp đã ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ năm 2026 trước thời điểm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Quy định phương thức khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định này được tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc hợp đồng.

2. Đối với các trường hợp chưa ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ năm 2026, cơ quan đặt hàng cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi tổ chức thực hiện hợp đồng đặt hàng với đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi hoàn thành việc ký kết hợp đồng trong **Quý III/2026**.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã; Thủ trưởng các đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư Pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT. UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Chánh, các PCVP. UBND thành phố;
- Lưu: VT, KTNS, KTN (107bản).

(Khoa/QDptktctlt/30.5-307)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Anh**

## QUY ĐỊNH

### Phương thức khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Đồng Nai (Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND)

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phương thức khai thác công trình thủy lợi được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đồng Nai. Quy định thẩm quyền, trình tự thực hiện, nội dung đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; phê duyệt, điều chỉnh dự toán, nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

##### 2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về phương thức khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

b) Các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

#### Điều 2. Phương thức khai thác công trình thủy lợi

Thực hiện phương thức đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với tất cả các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

#### Điều 3. Thẩm quyền đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

##### 1. Thẩm quyền đặt hàng

a) Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện đặt hàng đối với tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi cấp thành phố.

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện đặt hàng đối với tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn cấp xã, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

##### 2. Hợp đồng đặt hàng

a) Hợp đồng được ký kết trên nguyên tắc: Bình đẳng, hợp tác, trung thực, đúng quy định của pháp luật. Các thỏa thuận phải được ghi trong hợp đồng. Hợp đồng đặt hàng chỉ được ký kết sau khi số công trình, diện tích và dự toán sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các bên đã kết thúc quá trình đàm phán thương thảo hợp đồng.

b) Giá trị hợp đồng đặt hàng (giá trị ký kết hợp đồng) không vượt giá trị dự toán đặt hàng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp có khối lượng phát sinh và đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

c) Thời gian hợp đồng đặt hàng: Hợp đồng đặt hàng phải được hai bên ký kết trước ngày 31 tháng 10 của năm trước năm kế hoạch, hoặc ký kết trước thời điểm phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân.

#### **Điều 4. Trình tự thực hiện đặt hàng**

1. Lập dự toán kinh phí đặt hàng: Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 115/2026/NĐ-CP quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

##### 2. Xây dựng kế hoạch đặt hàng

a) Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm, các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi lập kế hoạch, sơ công trình, diện tích tưới, tiêu, cấp nước và dự toán sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với các công trình thủy lợi cấp tỉnh quản lý, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã đối với các công trình thủy lợi cấp xã quản lý.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt số công trình, diện tích tưới, tiêu, cấp nước và dự toán sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh.

c) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt số công trình, diện tích tưới, tiêu, cấp nước và dự toán sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi cấp xã.

3. Trên cơ sở quyết định phê duyệt số công trình, diện tích tưới, tiêu, cấp nước và dự toán sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan đặt hàng quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này ký hoặc ủy quyền cho đơn vị ký kết hợp đồng đặt hàng theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Nội dung của hợp đồng đặt hàng và phê duyệt, điều chỉnh hợp đồng đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi**

1. Nội dung hợp đồng đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Điều chỉnh hợp đồng đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

3. Thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh hợp đồng đặt hàng

a) Đối với trường hợp điều chỉnh, bổ sung làm vượt dự toán đặt hàng đã được phê duyệt, cơ quan đặt hàng trình Ủy ban nhân dân thành phố đối với công trình thủy lợi do cấp tỉnh quản lý hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt đối với công trình thủy lợi do cấp xã quản lý, làm cơ sở ký phụ lục hợp đồng bổ sung.

b) Đối với trường hợp điều chỉnh, bổ sung không làm vượt dự toán đặt hàng đã được phê duyệt, cơ quan đặt hàng phê duyệt điều chỉnh và tổ chức thực hiện ký phụ lục hợp đồng bổ sung và báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp.

### **Điều 6. Thanh toán, cấp kinh phí đặt hàng**

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 115/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

### **Điều 7. Nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí đặt hàng**

#### **1. Nghiệm thu khối lượng tưới, tiêu, cấp nước**

Khi kết thúc các vụ tưới, tiêu, cấp nước bên nhận đặt hàng đề xuất bên đặt hàng nghiệm thu đánh giá khối lượng, chất lượng hạng mục công việc thực hiện hoàn thành đã nêu trong hợp đồng. Việc xác định diện tích tưới, tiêu, cấp nước phải căn cứ hợp đồng và biên bản nghiệm thu của bên nhận đặt hàng với các hộ dùng nước (đối với hộ dùng nước là các cá nhân). Hộ dùng nước là tổ hợp tác, hoặc thôn, bản, ấp do người đại diện ký thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã. Trong quá trình tổ chức nghiệm thu, Bên đặt hàng có thể mời các thành phần có liên quan tham gia nghiệm thu.

Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, bên nhận đặt hàng lập báo cáo khối lượng sản phẩm đặt hàng đã hoàn thành (kèm theo các phụ biểu thuyết minh rõ số lượng sản phẩm đặt hàng đã thực hiện hoàn thành, giá trị đề nghị nghiệm thu thanh toán). Bên đặt hàng tổ chức nghiệm thu đánh giá khối lượng, chất lượng các hạng mục công việc đã hoàn thành của cả năm.

2. Kết thúc năm, bên đặt hàng và bên nhận đặt hàng phải thực hiện thanh lý và ký biên bản thanh lý hợp đồng đặt hàng. Biên bản thanh lý hợp đồng đặt hàng là căn cứ để thanh, quyết toán kinh phí cho bên nhận đặt hàng và quyết toán kinh phí với cơ quan quản lý ngân sách nhà nước.

#### **3. Quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi**

a) Việc quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, các văn bản hướng dẫn có liên quan.

b) Các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi phải có đầy đủ các chứng từ để làm căn cứ thanh, quyết toán các khoản hỗ trợ tài chính (bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi), bao gồm: Hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Trường hợp hộ dùng nước là các tổ chức (Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã, tổ chức hợp tác dùng nước, trạm trại thí nghiệm) thì phải có bảng danh sách các hộ gia đình, cá nhân và diện tích đất của từng hộ gia đình, cá nhân kèm theo.

## **Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan**

### **1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

a) Thẩm định phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi làm cơ sở đặt hàng.

b) Thực hiện kiểm tra, giám sát công tác nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giữa các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi và đại diện hộ dùng nước theo đúng số công trình, diện tích và dự toán sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đã được phê duyệt để làm cơ sở nghiệm thu thanh toán.

### **2. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

a) Trên cơ sở đề xuất, tổng hợp dự toán kinh phí đặt hàng, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã, tham mưu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định của Luật số 89/2025/QH15.

b) Thực hiện phân bổ kinh phí theo quy định hiện hành.

### **3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

a) Phối hợp với cơ quan đặt hàng và đơn vị nhận đặt hàng theo dõi, kiểm tra, đánh giá hoạt động khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

b) Xác nhận đối tượng và diện tích tưới, tiêu, cấp nước theo thực tế; đăng ký Kế hoạch diện tích tưới, tiêu, cấp nước từ công trình thủy lợi với tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn cấp xã.

c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng tưới, tiêu (nếu được giao là đại diện hộ dùng nước) với đơn vị nhận đặt hàng.

d) Tuyên truyền, phổ biến đến người dân trên địa bàn chủ động giám sát chất lượng tưới, tiêu, cấp nước và tổng hợp phản ánh với cơ quan đặt hàng nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đồng thời cùng tham gia quản lý, khai thác bảo vệ công trình thủy lợi.

### **4. Trách nhiệm của đơn vị nhận đặt hàng**

a) Tổ chức thực hiện hợp đồng đã ký kết với cơ quan đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

b) Tổ chức thực hiện và phối hợp với các đơn vị liên quan xác nhận đối tượng và diện tích tưới, tiêu, cấp nước theo quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu về diện tích tưới, tiêu, cấp nước.

c) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng sản phẩm, dịch vụ do đơn vị cung ứng cho đơn vị đặt hàng.

d) Chịu trách nhiệm pháp lý của các hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng với các hộ dùng nước theo quy định hiện hành.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định.

**Điều 9. Sửa đổi, bổ sung**

1. Khi các văn bản quy định dẫn chiếu tại Quyết định này thay đổi thì thực hiện theo các văn bản, quy định thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, xử lý theo quy định./.